

Số: 578 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011 - 2020 và phương án phát triển kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 25/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;



Căn cứ Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt chi tiết nội dung và dự toán kinh phí lập Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 3094/TTr-SCT ngày 13 tháng 11 năm 2024 và kết quả biểu quyết của các thành viên UBND thành phố tại phiên họp ngày 19 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hiện trạng phát triển giai đoạn 2011 - 2020 và phương án phát triển kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó bao gồm Phương án phát triển kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt của cả nước; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; đồng bộ và thống nhất với các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan, nhất là quy hoạch sử dụng đất.

b) Phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt phải hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, gắn với an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường, thể hiện tính mở và linh hoạt. Phù hợp với định hướng trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, đồng thời phát huy vai trò là đầu mối của Đà Nẵng trong việc phân phối xăng dầu, khí đốt khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

c) Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt bảo đảm phù hợp về số lượng, quy mô và phân bố trên cơ sở khuyến khích, huy động nhiều nguồn lực tham gia gắn với việc kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và minh bạch, bình đẳng, góp phần giữ vững nguồn cung cấp xăng dầu, khí đốt trong mọi tình huống.

d) Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích của các chủ thể có liên quan, bao gồm nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Gắn với kế hoạch phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích, di sản.

đ) Phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt của thành phố có đầy đủ trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn, quy chuẩn, phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố hiện đại, đồng bộ và bảo đảm tính phát triển; thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh quốc phòng trên địa bàn một cách hiệu quả; góp phần bình ổn thị trường tiêu thụ sản phẩm xăng dầu, khí đốt trên thị trường, đồng thời có phương án sẵn sàng ứng phó trong các tình huống khẩn cấp. Phát huy tốt vai trò là đầu mối cung ứng các dịch vụ về xăng dầu, khí đốt khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu:

+ Hệ thống kho: Kho dự trữ thương mại bảo đảm ổn định nguồn cung, phục vụ tốt nhu cầu thị trường trong nước, bảo đảm duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục cho các cơ sở bán lẻ, dự trữ xăng dầu thương mại tối thiểu ổn định ở mức đáp ứng 30-35 ngày nhập ròng. Kho dự trữ quốc gia đạt sản lượng dự trữ khoảng đáp ứng 15-20 ngày nhập ròng trong giai đoạn 2021-2030 và 25-30 ngày nhập ròng trong giai đoạn sau năm 2030.

+ Hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu: Đến năm 2030, phát triển mạng lưới bán lẻ phù hợp về quy mô và phân bố, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ mặt hàng xăng dầu trên địa bàn thành phố; thực hiện nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, bảo đảm hành lang an toàn giao thông, an toàn phòng cháy chữa cháy và tác động môi trường.

Giai đoạn sau năm 2030, hình thành hệ thống cung ứng xăng dầu với cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng được các tiêu chuẩn về kinh tế - kỹ thuật, phù hợp với định hướng phát triển mạng lưới dự trữ, cung ứng xăng dầu cả nước; bảo đảm hiệu quả hoạt động, phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn thành phố cũng như khu vực miền Trung.

- Đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng khí đốt:

+ Hệ thống kho/trạm khí đốt: Đến năm 2030, hoàn thành nâng cấp mở rộng và xây dựng mới các kho/trạm khí đốt theo phân kỳ, bảo đảm đáp ứng được các tiêu chí về hồ sơ, quy mô và diện tích. Giai đoạn sau năm 2030, nghiên cứu phát triển một số trạm cấp LPG gắn với các tòa nhà chung cư phục vụ nhu cầu của người dân; hình thành mạng lưới kho chứa, trạm cung ứng khí đốt hiện đại, phục vụ tốt nhu cầu của thành phố và các địa phương trong vùng.

+ Hệ thống đường ống dẫn khí đốt: Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, tùy thuộc nhu cầu và điều kiện cụ thể, đầu tư phát triển mới các tuyến ống dẫn khí từ cảng vào hệ thống kho thương mại phục vụ nhu cầu sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp cũng như nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

+ Hệ thống bán lẻ: cải tạo và nâng cấp trang bị với các cửa hàng đã xuống cấp, không đáp ứng tiêu chí; quản lý chặt chẽ với các cửa hàng xin cấp phép mở mới, bảo đảm tuân thủ nghiêm các quy định về kỹ thuật, về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

- Phát triển dịch vụ cung ứng xăng dầu: Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong các lĩnh vực công nghệ dầu khí tại thành phố Đà Nẵng, trong đó chú trọng phát triển các dịch vụ kỹ thuật dầu khí như hình thành trung tâm nghiên cứu phát triển lọc hoá dầu Quốc gia tại miền Trung, trung tâm dịch vụ hậu cần kỹ thuật dầu khí miền Trung tại Đà Nẵng; chế tạo, lắp đặt, bảo dưỡng, vận hành,... để phát triển công nghiệp năng lượng, công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành dầu khí.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

- Tiếp tục đẩy nhanh việc nâng cao chất lượng, công nghệ, cơ sở vật chất và công tác quản trị đối với hệ thống kho dự trữ xăng dầu quốc gia bảo đảm giảm thiểu lượng hao hụt và giảm chi phí bảo quản. Hoàn thành việc di dời, phát triển mới các cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy hoạch; phấn đấu 100% các cơ sở bán lẻ xăng dầu đáp ứng được tiêu chuẩn về vị trí, diện tích.

- Đầu tư phát triển một số trạm cấp LPG gắn với các tòa nhà chung cư phục vụ nhu cầu của người dân; hình thành mạng lưới kho chứa, trạm cung ứng khí đốt hiện đại, phục vụ tốt nhu cầu của thành phố và các địa phương trong vùng. Hình thành được mạng lưới cửa hàng bán lẻ LPG khang trang, hiện đại, an toàn, phục vụ tốt nhu cầu của nền kinh tế.

- Hình thành hệ thống cung ứng xăng dầu, khí đốt với cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng được các tiêu chuẩn về kinh tế - kỹ thuật, phù hợp với định hướng phát triển mạng lưới dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt cả nước; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh trên địa bàn Thành phố cũng như các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu

a) Đối với kho xăng dầu

- Kho dự trữ thương mại: Khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp trong việc đầu tư, phát triển nhằm thúc đẩy hoạt động phân phối, bán lẻ sản phẩm xăng dầu. Bảo đảm về số lượng, quy mô và phân bố phù hợp với nhu cầu và điều kiện cụ thể của từng địa bàn. Vị trí xây dựng thuận tiện kết nối với các trục, tuyến giao thông để bảo đảm tối ưu hóa cung đường vận chuyển sản phẩm xăng dầu đến và đi từ nguồn cung ứng cũng như thị trường tiêu thụ.

- Kho dự trữ quốc gia: Bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng dự trữ xăng dầu của cả nước; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ về phương án đầu tư, địa điểm xây dựng cũng như quy mô của kho dự trữ, gắn với nhu cầu sử dụng cho mục đích an ninh quốc phòng và các mục đích khác trong những điều kiện cụ thể. Đồng thời đáp ứng được các tiêu chuẩn thiết kế theo quy định hiện hành, bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường, thuận tiện trong việc khai thác, sử dụng trong những tình huống khẩn cấp.

b) Đối với đường ống xăng dầu

- Phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ, bảo đảm tuân thủ chặt chẽ các Tiêu chuẩn Việt Nam bao gồm: TCVN 4090: 1985 - Đường ống chính dẫn sản

phẩm dầu - Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 4606: 1988 - Đường ống chính dẫn dầu và sản phẩm dầu - Quy phạm thi công và nghiệm thu.

- Mạng lưới đường ống xăng dầu chủ yếu phục vụ nhu cầu vận chuyển từ cảng đến các kho đầu mối hoặc trạm trung chuyển xăng dầu trên địa bàn, do đó việc phát triển hệ thống đường ống xăng dầu đòi hỏi các nhà đầu tư có năng lực và kinh nghiệm quản lý, vận hành triển khai thực hiện, bảo đảm các tiêu chí về kỹ thuật, công suất, chiều dài ống theo nhu cầu.

c) Đối với mạng lưới bán lẻ xăng dầu

- Phát triển mạng lưới bán lẻ phù hợp về số lượng, quy mô và phân bố, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ mặt hàng xăng dầu trong từng giai đoạn.

- Địa điểm gắn với khu vực ngoại ô, dọc các tuyến cao tốc, trục giao thông chính nhưng phải bảo đảm hành lang an toàn giao thông đường bộ, tuân thủ chặt chẽ quy định về đầu nối, bảo đảm các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

- Hoạt động của các cơ sở bán lẻ xăng dầu đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường, góp phần bình ổn thị trường trong mọi tình huống; giá bán lẻ thực sự được vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; bảo đảm hài hoà lợi ích của các bên, bao gồm nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

2. Định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng khí đốt

a) Đối với kho/trạm khí đốt

Tập trung nâng cấp cải tạo hệ thống kho/trạm hiện có, đồng thời kêu gọi đầu tư phát triển thêm một số kho/trạm mới phục vụ nhu cầu của nền kinh tế. Bên cạnh đó, với xu hướng phát triển các phương tiện giao thông vận tải sử dụng nhiên liệu LPG, sẽ nghiên cứu đầu tư phát triển một số trạm cấp LPG tại những địa bàn thuận lợi về giao thông.

b) Đối với đường ống khí đốt

Theo Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 16/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn từ nay đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng không phát triển đường ống dẫn xăng dầu, khí đốt ở quy mô cao áp. Tuy nhiên, để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, định hướng đến năm 2030 sẽ nghiên cứu phát triển một số tuyến đường ống thấp áp để vận chuyển khí đốt phục vụ sản xuất và tiêu thụ trên địa bàn.

Việc xác định quy mô, địa điểm và hướng tuyến đối với hệ thống ống dẫn khí đốt trên địa bàn thành phố phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật tại Quy chuẩn QCVN 07-6 : 2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình cấp xăng dầu, khí đốt. Khuyến khích và kêu gọi sự tham gia của các doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, vận tải và cung ứng sản phẩm khí đốt.

c) Đối với mạng lưới bán lẻ khí đốt

- Phát triển mạng lưới bán lẻ khí đốt phù hợp với định hướng phát triển cơ sở bán lẻ của cả nước; bảo đảm đủ về số lượng, quy mô và gắn với nhu cầu của thị trường.

- Ưu tiên phát triển các cơ sở bán lẻ khí đốt tại khu vực ngoại ô, thuận tiện về giao thông, cách xa khu dân cư; không phát triển thêm tại trung tâm các đô thị hoặc các khu dân cư đông đúc (trừ các trạm cấp LPG phục vụ tòa nhà cao tầng, các khu dân cư tập trung).

- Khuyến khích các chủ thể có đủ năng lực và điều kiện tham gia kinh doanh bán lẻ khí đốt, phục vụ tốt nhất nhu cầu của nền kinh tế. Hướng đến phát triển mạng lưới bán lẻ đồng bộ và hiện đại, tuân thủ nghiêm các tiêu chí và các quy định của pháp luật hiện hành về kinh doanh khí đốt.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

1. Phương án quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu

a) Đối với kho xăng dầu

- Mở rộng nâng công suất của 03 kho gồm kho XD Khuê Mỹ, kho PETEC và Kho XD Liên Chiểu K83.

- Phát triển mới 04 kho, bao gồm 02 kho quy mô cấp quốc gia và 02 kho quy mô cấp tỉnh, cụ thể: 01 kho có dung tích 40.000 m³ (gần cảng Tiên Sa); 01 kho quy mô khoảng 15.000 m³ (gần cảng Liên Chiểu) – (theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050) để phục vụ nhu cầu cho sản xuất công nghiệp, nhu cầu của các phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy và nhu cầu của người dân; 01 kho dung tích khoảng 5.000 m³ gắn với cảng Liên Chiểu phục vụ nhu cầu cung ứng và tiêu thụ xăng dầu của thành phố và 01 kho nối kết hợp cấp phát trên cạn tại khu vực phường Thọ Quang, quận Sơn Trà.

Nhu cầu sử dụng đất của mạng lưới kho xăng dầu vào khoảng 33,8 – 35,8 ha, trong đó 29,68 ha là diện tích của các kho đang hoạt động và khoảng 4,2 - 6,2 ha phục vụ nhu cầu phát triển các kho mới. Ngoài ra, tùy điều kiện thực tế trong từng giai đoạn, sẽ xem xét điều chỉnh, phát triển thêm các kho xăng dầu mới, phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

b) Đối với đường ống xăng dầu

Giữ nguyên 2 tuyến đường ống xăng dầu Mỹ Khê - Khuê Mỹ kết nối giữa cảng và kho đầu mối Mỹ Khê - Khuê Mỹ. Giai đoạn sau năm 2030, đầu tư xây dựng tuyến đường ống Liên Chiểu - Hòa Liên (Hòa Vang) dài khoảng 10 - 20 km với công suất thiết kế 100 m³/h, phục vụ nhu cầu nhập xăng dầu của kho xăng dầu Hòa Liên theo quy hoạch. *(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)*

c) Đối với mạng lưới bán lẻ xăng dầu

Phát triển mới 34 cửa hàng xăng dầu trên mặt đất, có quy mô và phân bố phù hợp, đáp ứng các tiêu chí về quản lý nhà nước nhằm để phục vụ nhu cầu của

nền kinh tế, nhu cầu của các phương tiện giao thông cũng như nhu cầu sử dụng của người dân trên địa bàn.

Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các CHXD mới gắn với các trạm dừng nghỉ; tại các khu dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp... phù hợp với mục đích sử dụng đất, các quy hoạch có liên quan và đảm bảo các điều kiện, tiêu chí của cửa hàng xăng dầu theo quy định hiện hành.

(Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm)

2. Phương án quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng khí đốt

a) Đối với kho/trạm khí đốt

- Kho/trạm khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG): Nâng cấp, mở rộng kho/trạm chiết LPG thuộc Nhà máy LPG Đà Nẵng (Tổng Công ty Gas Petrolimex).

Phát triển mới 02 kho đầu mối LPG: 01 kho tại khu vực Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà với công suất khoảng 6.000 tấn, nhu cầu sử dụng đất 0,5 ha và 01 kho thuộc quận Liên Chiểu (giai đoạn 1) với quy mô sức chứa 5.000 tấn, nhu cầu sử dụng đất 5 ha. Sau năm 2030, mở rộng kho đầu mối LPG tại địa bàn quận Liên Chiểu giai đoạn 2 với quy mô sức chứa 10.000 tấn, nhu cầu sử dụng đất 10 ha.

Phát triển các trạm chiết nạp LPG trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao với quy mô công suất khoảng 500 – 1.500 tấn/trạm/năm.

(Chi tiết tại Phụ lục IV đính kèm)

- Kho/trạm khí thiên nhiên nén (CNG): Đầu tư phát triển 02 trạm nạp CNG với công suất khoảng 300 tấn/trạm/năm để cung cấp nhiên liệu cho các phương tiện giao thông vận tải gắn với các KCN Hòa Cầm (Cẩm Lệ) và KCN Hòa Khánh (Liên Chiểu) quy mô sử dụng đất khoảng 0,05 ha/trạm; đồng thời phát triển các trạm cấp khí trung tâm CNG/LNG tại các khu công nghiệp khác trên địa bàn với quy mô sử dụng đất khoảng 0,5 ha/trạm.

(Chi tiết tại Phụ lục V đính kèm)

- Kho/trạm khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG): Phát triển kho LNG Liên Chiểu với quy mô sức chứa 0,5-1 triệu tấn/năm trong giai đoạn 1 để cung cấp nhiên liệu LNG cho các hộ tiêu thụ tại Đà Nẵng và mở rộng kho LNG trong giai đoạn 2 (sau năm 2030) với công suất lên khoảng 2 triệu tấn/năm. Ngoài ra, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các kho/trạm khí đốt gắn với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng biển Liên Chiểu,... để đa dạng hóa nguồn nhiên liệu phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục VI đính kèm)

b) Đối với đường ống khí đốt

Đầu tư phát triển hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp tại các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố với quy mô sức chứa khoảng 0,1-0,3 tỷ m³/năm, để cung cấp khí thấp áp cho các nhà máy trong các khu công nghiệp.

Đồng thời bổ sung hệ thống đường ống để vận chuyển và phân phối LNG từ kho LNG Liên Chiêu đến các nhà máy điện cũng như các điểm tiêu thụ khác với quy mô sức chứa khoảng 0,5-1,5 tỷ m³/năm. Chiều dài các tuyến phụ thuộc vào địa hình và khoảng cách từ kho trung tâm đến các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn.

(Chi tiết tại Phụ lục VII đính kèm)

c) Đối với mạng lưới bán lẻ khí đốt

Tổng số cơ sở bán lẻ khí đốt trên địa bàn Thành phố đến năm 2030 là 384 cơ sở, trong đó bao gồm 320 cơ sở hiện có và phát triển thêm 64 cơ sở, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân cũng như nhu cầu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII đính kèm)

IV. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Trên cơ sở định hướng phát triển các lĩnh vực, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, trong giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 15 dự án hạ tầng xăng dầu, khí đốt ưu tiên đầu tư, trong đó bao gồm: 04 dự án kho xăng dầu, 04 kho/trạm LPG, 03 trạm CNG, 02 kho LNG và 02 tuyến đường ống dẫn khí.

(Chi tiết tại Phụ lục IX đính kèm)

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về thu hút đầu tư

- Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về các nội dung của phương án phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt để các nhà đầu tư nắm bắt được thông tin một cách kịp thời và chính xác, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng và kinh doanh xăng dầu, khí đốt.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư theo hướng đa dạng nhằm thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt, từng bước hiện đại hóa công nghệ, trang thiết bị và cơ sở hạ tầng. Đối với các dự án xây dựng kho dự trữ xăng dầu, khí đốt quá trình thẩm định cần bám sát Luật số 22/2012/QH13 của Quốc hội: Luật dự trữ quốc gia; Nghị định số 13/2011/NĐ-CP ngày 11/02/2011 của Chính phủ về an toàn công trình dầu khí trên đất liền; Nghị định 25/2019/NĐ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 13/2011/NĐ-CP; Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BCT ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.

- Về nguồn vốn:

+ Nguồn vốn từ ngân sách: Nguồn vốn từ ngân sách chủ yếu để thực hiện các hạng mục về hạ tầng mang tính động lực (giao thông, điện, nước,...), làm cơ sở để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách.

+ Nguồn vốn đầu tư nước ngoài: khuyến khích đầu tư nước ngoài đầu tư vào hạ tầng trung nguồn như nhà máy/trạm/kho dự trữ, cung ứng xăng dầu, các kho chứa LNG, LPG theo tiêu chuẩn hiện đại, những loại hình hạ tầng có yêu cầu cao về nguồn lực tài chính và công nghệ, phù hợp với các quy định hiện hành.

+ Nguồn vốn từ các nhà đầu tư trong nước: kêu gọi và khuyến khích các nhà đầu tư trong nước đầu tư vào những khâu hạ nguồn (phân phối, cung ứng) và một phần trung nguồn, đặc biệt là các kho chứa xăng dầu, khí đốt. Riêng đối với các dự án xây dựng đường ống dẫn xăng dầu, khí đốt, thành phố hỗ trợ giải phóng mặt bằng hoặc ưu đãi giá thuê đất ở những vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng cơ chế phối hợp, liên doanh, liên kết trong hệ thống sản xuất, dự trữ và cung ứng xăng dầu, khí đốt nhằm huy động nguồn vốn, khai thác tiềm năng về cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt thông qua cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các khâu trong việc cấp phép đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc giới thiệu địa điểm cũng như thủ tục đầu tư,...

2. Giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ, phòng cháy chữa cháy

a) Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn môi trường đối với tất cả các khâu trên toàn bộ hệ thống kho dự trữ và đường ống xăng dầu, khí đốt. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp mới về giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ quá trình xây dựng hạ tầng kho dự trữ và quá trình bơm chuyển xăng dầu trên đường ống, trong đó kiểm soát lưu lượng và áp lực bơm là một yếu tố quan trọng, đảm bảo thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường khi thực hiện dự án.

- Thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá rủi ro và kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố tràn dầu, rò rỉ hệ thống kho, vỡ, bục đường ống xăng dầu, khí đốt. Có cơ chế kiểm tra, giám sát, quản lý tốt công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố nhằm đảm bảo an toàn cho người dân trong khu vực khi vận hành các kho dự trữ, đường ống xăng dầu, khí đốt.

- Phối hợp các giải pháp bảo vệ môi trường trong công nghiệp khí với các giải pháp bảo vệ môi trường trong các hoạt động khác trên cùng địa bàn hoạt động. Tăng cường hợp tác quốc tế để tiếp thu kiến thức, kinh nghiệm, công nghệ mới trong công tác an toàn - sức khỏe - môi trường.

- Tại mỗi công trình hạ tầng, bảo đảm việc xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả ra môi trường.



b) Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và hoạt động dự trữ, vận tải xăng dầu, khí đốt, hướng tới mục tiêu bảo vệ tài nguyên, môi trường cho sự phát triển bền vững. Bổ sung và hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong phát triển các công trình hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt.

- Nghiên cứu lựa chọn, ứng dụng các công nghệ tiên tiến của nước ngoài trong các lĩnh vực xây dựng và vận hành các kho dự trữ, đường ống xăng dầu, khí đốt, nhằm áp dụng các giải pháp công nghệ mới vừa an toàn, vừa làm giảm chi phí vận hành hệ thống dự trữ, cung ứng, vận chuyển xăng dầu.

- Kết nối giữa thực tế sản xuất với các Viện nghiên cứu, trường đại học trong nước và các đối tác nước ngoài để xây dựng và triển khai nghiên cứu các chương trình, đề tài, đề án trọng điểm trong lĩnh vực xây dựng kho dự trữ, đường ống xăng dầu, khí đốt. Tăng cường hợp tác tiếp nhận chuyển giao, kết hợp với tự nghiên cứu và phát triển các phần mềm mô hình hóa, mô phỏng hóa, tối ưu, phân tích quản lý rủi ro, quản lý hiệu quả đầu tư, phân tích thị trường,... để phục vụ việc hiện đại hóa công tác quản lý hành của các cơ quan quản lý nhà nước tại thành phố, và đặc biệt là việc quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, nhằm giảm chi phí nguyên vật liệu, tăng năng suất lao động, chất lượng, an toàn và hiệu quả cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tổ chức phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, coi đây là giải pháp thiết thực để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng. Huy động và sử dụng hiệu quả quỹ phát triển khoa học công nghệ cho lĩnh vực cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt.

- Trong quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt từ khâu lập dự án, thiết kế, thi công phải tuân thủ nghiêm các quy định và tiêu chuẩn của TCVN - 4090-85 và Nghị định 13-2011/NĐ-CP đối với an toàn đường ống; Quy chuẩn QCVN 07-6 : 2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình cấp xăng dầu, khí đốt; QCVN 02:2020/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng - QCVN 10: 2012/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng đối với an toàn của kho dự trữ xăng dầu, khí đốt; QCVN 01:2020/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu kỹ thuật công trình cấp xăng dầu, khí đốt. Các công trình phải tuân thủ đúng quy định của Thông tư 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Riêng đối với việc xây dựng đường ống, cần tính toán các chỉ số kỹ thuật bảo đảm đáp ứng được yêu cầu đối với từng loại nhiên liệu. Đồng thời, khi triển khai xây dựng có thể tính toán chôn ống ngầm dưới đất ở độ sâu phù hợp (từ 0,8-1m, và phải tính đến các hệ thống ngầm khác như đường cáp, đường điện hay hệ thống cống, kênh mương) để hạn chế khả năng rò rỉ gây cháy nổ, nhưng cũng có phương án kiểm tra định kỳ để tránh việc rò rỉ gây ô nhiễm môi trường. Khi vận

hành, cần quy định phân vùng nguy hiểm, thiết lập hành lang an toàn cho đường ống (như đặt biển cấm, biển báo theo quy định hiện hành), phổ biến tuyên truyền các quy định bảo vệ đường ống cho cư dân xung quanh.

- Nghiên cứu từng bước áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn mà các nước tiên tiến trong lĩnh vực dầu khí đã và đang sử dụng đối với hệ thống cơ sở hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt (kho/ bể chứa, đường ống, hệ thống thiết bị phụ trợ,...) để đảm bảo hạ tầng năng lượng được thiết kế, xây dựng và vận hành theo tiêu chuẩn hiện đại nhất.

c) Giải pháp phòng cháy chữa cháy

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về an toàn phòng chống cháy nổ, trong đó tập trung vào các nguy cơ có thể gây cháy, nổ của đường ống dẫn, kho và trạm bơm xăng dầu, khí đốt; mức độ ảnh hưởng, tác động đến môi trường và xã hội đối với các sự cố, rủi ro do đường ống, kho và trạm bơm xăng dầu, khí đốt gây nên; các biện pháp phòng tránh, bảo vệ và giảm thiểu thiệt hại khi có sự cố trên đường ống, kho và trạm bơm xăng dầu. Lắp đặt hệ thống cảnh báo, bảng hiệu về phòng cháy chữa cháy.

- Các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, khí đốt phải xây dựng quy trình vận hành hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng theo các quy định về an toàn cháy nổ; hiện đại hóa các trang thiết bị, phương tiện PCCC cho các cơ sở hạ tầng dự trữ và cung ứng xăng dầu, khí đốt; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát hệ thống, các phương án xử lý khi xảy ra sự cố rò rỉ, cháy nổ; định kỳ tổ chức diễn tập về phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- Khuyến khích doanh nghiệp trang bị và sử dụng các thiết bị hiện đại để giảm thiểu bay hơi xăng dầu ra ngoài không khí, đây là một giải pháp ngăn ngừa rất hiệu quả: giảm được tổn thất bay hơi xăng dầu đồng thời giảm nguy cơ cháy nổ do hạn chế thấp nhất hơi xăng dầu khuếch tán ra môi trường, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Đối với các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, khí đốt, địa điểm xây dựng cần thuận tiện về giao thông, thông tin liên lạc, cũng như khoảng cách an toàn đến những nơi có nguồn nhiệt gây cháy, nơi đông người,... trong khu vực công trình phải có bảng Nội quy quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, các biển báo về an toàn phòng cháy chữa cháy. Quản lý chặt chẽ hoạt động của các tàu dầu bảo đảm tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- rà soát, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp quản lý, vận hành, vận chuyển, cấp phát xăng dầu, khí đốt tại các cơ sở dự trữ, cung ứng trên địa bàn thành phố. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, gian lận trong kinh doanh, thiếu trách nhiệm gây mất an toàn,...

- Bồi dưỡng cán bộ, kỹ thuật viên, kỹ sư và công nhân kỹ thuật tại các trường đào tạo chuyên ngành đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành dầu khí, trong đó có kho dự trữ, đường ống xăng dầu, khí đốt.

- Khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo chuyên ngành có uy tín quốc tế, kết hợp với tuyển, cử đi làm việc biệt phái ít nhất là 2 năm ở các công ty, các viện nghiên cứu dầu khí quốc tế, sau đó trở về làm việc trong nước.

- Có chính sách thu hút nhân tài trong và ngoài nước phục vụ cho sự nghiệp phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt. Chế độ đãi ngộ hợp lý cả về vật chất và tinh thần dựa trên năng suất lao động, nhất là với những vị trí công việc đang thiếu nhiều nhân sự hoặc cho những nhân viên có kỹ năng tốt nổi trội; tạo nhiều cơ hội đào tạo nâng cao chuyên môn cho người lao động.

- Doanh nghiệp xây dựng chế độ đãi ngộ, chính sách đặc thù áp dụng cho các cán bộ, công nhân làm việc thường xuyên trong môi trường độc hại (tiếp xúc với xăng dầu, khí đốt); có chế độ thưởng xứng đáng đối với những sáng kiến mang lại hiệu quả và có tính ứng dụng cao của các cán bộ, công nhân viên.

- Đối với các cửa hàng kinh doanh xăng dầu, khí đốt: cán bộ nhân viên làm việc trong các cửa hàng phải được tuyên truyền, phổ biến các quy định về kinh doanh xăng dầu, và được đào tạo cơ bản và có đủ kiến thức về bảo vệ môi trường, kỹ năng về phòng chống cháy nổ.

4. Giải pháp bảo đảm an ninh, quốc phòng

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, đơn vị quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia; xây dựng các phương án, kế hoạch bảo vệ, an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ.

- Đối với các kho dự trữ, cung ứng thương mại, tiến hành tổ chức các lớp tập huấn về an ninh, quốc phòng cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đội ngũ bảo vệ tại các cơ sở dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt, phê duyệt và thường xuyên kiểm tra các kế hoạch, phương án bảo vệ của các doanh nghiệp.

- Về phía doanh nghiệp, cử nhân viên quản lý, nhân viên chủ chốt tham gia các lớp tập huấn do thành phố mở, xây dựng các kế hoạch, phương án, chủ động bố trí kinh phí, phương tiện để bảo vệ một cách có hiệu quả.

- Làm tốt công tác tuyên truyền vận động để người dân có ý thức bảo vệ các công trình xăng dầu khí đốt, nhất là hiện nay thường xảy ra tình trạng vi phạm hành lang an toàn công trình (phổ biến nhất là các tuyến ống dẫn).

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Có kế hoạch định kỳ tổ chức các diễn đàn, hội thảo quốc tế, mời các doanh nghiệp lớn về dầu khí trên thế giới trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình tiến tiến của các nước trong quá trình xây dựng, vận hành hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng, vận chuyển xăng dầu, khí đốt.

- Cử các chuyên gia của thành phố tham gia các khóa đào tạo, tập huấn ở nước ngoài về kinh nghiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt.

- Giao cho các cơ quan chuyên môn tăng cường hợp tác với nước ngoài trong việc tiếp cận và cải tiến công nghệ, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của các công trình hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt.

- Khuyến khích doanh nghiệp hợp tác quốc tế, nhất là hợp tác về khoa học công nghệ để cải tiến trang thiết bị, đồng thời khuyến khích và thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào các lĩnh vực phát triển hạ tầng năng lượng trên địa bàn thành phố, hướng đến phát triển hệ thống hạ tầng năng lượng phát triển đồng bộ, hiện đại theo Nghị quyết 55/NQ-TW ngày 11 tháng 2 năm 2020 của Bộ Chính trị về về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là đến năm 2045.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân trong nước và quốc tế tham gia phát triển cơ sở hạ tầng dự trữ cung ứng xăng dầu, khí đốt, kể cả các dự án hạ tầng trọng điểm; sẵn sàng tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp có tiềm lực, uy tín về công nghệ, kinh nghiệm của các nước trên thế giới đầu tư vào các dự án hạ tầng có chất lượng cao, bền vững và thân thiện với môi trường, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

VI. BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Bản đồ Hiện trạng hạ tầng cung ứng và dự trữ xăng dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2023 và Bản đồ Quy hoạch hạ tầng cung ứng và dự trữ xăng dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (chi tiết theo Phụ lục X đính kèm).

Điều 2.

1. Nội dung tích hợp phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ, cơ sở để triển khai lập các chương trình, dự án, đề án phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án trên địa bàn thành phố phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch khác có liên quan.

3. Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nội dung tích hợp phê duyệt tại Quyết định này và tổng hợp báo cáo UBND thành phố giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

b) Tham gia thẩm định các dự án đầu tư phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo thẩm quyền.

c) Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển và theo quy định của pháp luật để huy động nguồn lực phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố.

d) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: (i) tính chính xác và phù hợp với hồ sơ Quy hoạch thành phố Đà Nẵng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1287/QĐ-TTg của các nội dung, thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ của hồ sơ báo cáo nội dung đề xuất; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan khác; (ii) phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này; bảo đảm tính đồng bộ, không chồng lấn, xung đột giữa các nội dung của các phương án bảo đảm phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Công Thương, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung trong phương án phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố đã được phê duyệt tại Quyết định này.

b) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Công Thương nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp để huy động nguồn lực để phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên địa bàn thành phố.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND TP (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, KT, SCT.

16/11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

10/ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Chí Cường

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHO XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tên công trình	Địa chỉ	Quy mô sức chứa (m ³)	Tổng diện tích đất (m ²)	Định hướng phát triển	Thời gian dự kiến	Ghi chú
I	Các kho nâng cấp công suất		148.030	237.082			
1	Kho XD Khuê Mỹ	Quận Ngũ Hành Sơn	86.200	96.033	Mở rộng	2021-2030	Hiện trạng 76.200 m ³
2	Kho XD Liên Chiểu K83	Quận Liên Chiểu	45.930	101.649	Mở rộng	2021-2030	Hiện trạng 35.930 m ³
3	Kho XD Petec	Quận Liên Chiểu	15.900	39.400	Mở rộng	2021-2030	Hiện trạng 9.900 m ³
II	Các kho phát triển mới		64.800	42.000-62.000			
II.1	Kho phát triển mới (cấp Quốc gia)		55.000	32.000-52.000			
1	Kho xăng dầu Tiên Sa	Quận Sơn Trà	40.000	20.000-40.000	Phát triển mới	2021-2030	
2	Kho xăng dầu Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	15.000	12.000	Phát triển mới	2021-2030	
II.2	Kho phát triển mới (cấp tỉnh)		9.800	10.000			
1	Kho xăng dầu Hoà Hiệp Bắc	Quận Liên Chiểu	5.000	5.000	Phát triển mới	2021-2030	
2	Kho xăng dầu tại quận Sơn Trà	Quận Sơn Trà	4.800	5.000	Phát triển mới	2021-2030	Kho nổi kết hợp cấp phát trên cạn

Phụ lục II

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG ỐNG XĂNG DẦU TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025
của UBND thành phố Đà Nẵng)*

TT	Tuyến	Đường kính (inch)	Chiều dài tuyến (km)	Công suất thiết kế (m³/h)	Áp lực thiết kế/vận hành (bar)	Định hướng phát triển	Thời gian dự kiến
1	Ống xăng dầu Liên Chiểu - Hòa Liên	12"	10-20	100	7	Phát triển mới	Sau năm 2030

Phụ lục III

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CỬA HÀNG BÁN LẺ XĂNG DẦU
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**
(Kèm theo Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Địa bàn quy hoạch	Số lượng CHXD (điểm)	Cấp cửa hàng	Nhu cầu sử dụng đất (m ²)	Nhu cầu vốn đầu tư (triệu đồng)	Phân kỳ đầu tư		Ghi chú
						2021-2025	2026-2030	
I	QUẬN THANH KHÊ	2	0	2.000	5.400	1	1	
1	CHXD Phường Xuân Hà	1	III	1.000	2.700		1	Vệt đất hỗn hợp đường Nguyễn Tất Thành thuộc phường Xuân Hà
2	CHXD Phường Thanh Khê Tây	1		1.000	2.700	1		Vệt đất hỗn hợp đường Nguyễn Tất Thành thuộc phường Thanh Khê Tây
II	QUẬN LIÊN CHIÊU	5	0	7.000	15.800	1	4	
3	CHXD Phường Hòa Minh	1		1.000	2.700		1	Vệt đất hỗn hợp đường Nguyễn Tất Thành thuộc phường Hoà Minh
4	CHXD Phường Hòa Minh	1	II	3.000	5.000	1		Góc giao giữa Hoàng Thị Loan và đường Nam Trân
5	CHXD Phường Hòa Hiệp Bắc	1	III	1.000	2.700		1	Tạ Quang Bửu nối dài (đường ra Cảng Liên Chiểu) - Ô quy hoạch ký hiệu



TT	Địa bàn quy hoạch	Số lượng CHXD (điểm)	Cấp cửa hàng	Nhu cầu sử dụng đất (m ²)	Nhu cầu vốn đầu tư (triệu đồng)	Phân kỳ đầu tư		Ghi chú
						2021-2025	2026-2030	
								CB3-1 TXD, diện tích 0,1 ha; hiện trạng đa phần đất ở
6	CHXD Phường Hòa Hiệp Bắc	1	III	1.000	2.700		1	Đường Nguyễn Văn Cừ (khu vực Công an phường Hoà Hiệp Bắc) - Ô quy hoạch ký hiệu CB2-3 TXD, diện tích 0,2 ha; hiện trạng đa phần đất ở
7	CHXD Phường Hoà Hiệp Nam	1	III	1.000	2.700		1	Gần khu dân cư Lake Side
III	QUẬN NGŨ HÀNH SƠN	3	0	3.000	8.100	1	2	
6	CHXD Phường Hòa Quý	1	III	1.000	2.700	1		CHXD phía Tây Nam nút Nam Kỳ khởi Nghĩa- Mai Đăng Chơn
7	CHXD Phường Hòa Quý	1	III	1.000	2.700		1	Đường Mai Đăng Chơn
8	CHXD Phường Hòa Hải	1	III	1.000	2.700		1	Gần góc giao đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa với đường Trần Đại Nghĩa
IV	HUYỆN HÒA VANG	24	0	37.800	91.000	8	16	
11	CHXD xã Hòa Khương	1	II	2.000	6.000	1		Đường vành đai phía Tây, đoạn từ Quốc lộ 14B về hướng Hòa Phước, bên trái, cách Quốc lộ 14B khoảng 300m

TT	Địa bàn quy hoạch	Số lượng CHXD (điểm)	Cấp cửa hàng	Nhu cầu sử dụng đất (m ²)	Nhu cầu vốn đầu tư (triệu đồng)	Phân kỳ đầu tư		Ghi chú
						2021-2025	2026-2030	
								(Đường Hoà Phước - Hoà Khương, phải tuyến)
12	CHXD xã Hoà Phước	1	II	1.500	3.500	1		Đường Hoà Phước - Hoà Khương (trái tuyến)
13	CHXD xã Hoà Ninh	1	II	1.500	3.500		1	Đường vành đai phía Tây (phải tuyến)
14		1	II	1.500	3.500	1		Đường vành đai phía Tây (trái tuyến)
15		1	II	1.500	3.500		1	CHXD Hoà Ninh (gần khu nhà vườn)
16	CHXD xã Hoà Tiến	1	II	1.500	3.500		1	ĐT605 (khu vực thôn Nam Sơn)
17		1	II	1.500	3.500	1		Đường Hoà Phong – Hoà Tiến (ADB5)
18	CHXD xã Hoà Phú	1	II	1.500	3.500		1	Đường vành đai phía Tây (phải tuyến (hướng Bắc-Nam) tại thôn Hội Phước (dự kiến là sân golf)
19		1	II	1.500	3.500		1	QL14G (khu vực thôn Hoà Hải - CHXD Thanh Huyền - đã có chủ trương đầu tư)

TT	Địa bàn quy hoạch	Số lượng CHXD (điểm)	Cấp cửa hàng	Nhu cầu sử dụng đất (m ²)	Nhu cầu vốn đầu tư (triệu đồng)	Phân kỳ đầu tư		Ghi chú
						2021-2025	2026-2030	
20		1	II	1.500	3.500	1		Độc Quốc lộ 14G (Gần khu du lịch suối Hoa)
21		1	II	1.500	3.500		1	Gần khu du lịch Suối Thần Tài - QL14G
22		1	II	1.500	3.500		1	Tuyến đường DH2 (tuyến đường đổi diện chợ Hoà Nhơn)
23	CHXD xã Hoà Nhơn	1	II	1.500	3.500		1	CHXD Hòa Nhơn trên tuyến đường vành đai tây 1 (Khu vực phía Đông Nam khu biệt thự Hồ Trước Đông)
24	CHXD xã Hòa Liên	1	II	1.500	3.500	1		Đường Nguyễn Tất Thành nối dài
25		1	II	2.800	8.000	1		Góc giao đường Nguyễn Tất Thành nối dài và đường Vành đai
26		1	II	1.500	3.500		1	Đường vành đai phía Tây
27		1	II	1.500	3.500		1	Khu công nghệ cao Đà Nẵng
28		1	II	1.500	3.500		1	CHXD trên tuyến ĐT.601
29	CHXD xã Hòa Bắc	1	II	1.500	3.500	1		Tuyến ĐT 601

TT	Địa bàn quy hoạch	Số lượng CHXD (điểm)	Cấp cửa hàng	Nhu cầu sử dụng đất (m ²)	Nhu cầu vốn đầu tư (triệu đồng)	Phân kỳ đầu tư		Ghi chú
						2021-2025	2026-2030	
30	CHXD xã Hoà Phong	1	II	1.500	3.500		1	QL14G
31	CHXD xã Hòa Sơn	1	II	1.500	3.500		1	CHXD DH2 - gần làng đá chẻ Hoà Sơn
32		1	II	1.500	3.500		1	CHXD Hoà Sơn - Hoàng Văn Thái (phía bắc Khu CN Hoà Nhơn mở rộng)
33		1	II	1.500	3.500		1	CHXD Hoà Sơn mặt tiền đường Hoàng Văn Thái
34		1	II	1.500	3.500		1	CHXD Hoà Sơn, đường Vành đai Tây 1 - Hoà Sơn
	TỔNG CỘNG	34	0	49.800	120.300	11	23	

Phụ lục IV

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHO/TRẠM KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG (LPG) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tên công trình	Địa chỉ	Quy mô sức chứa (tấn/năm)	Tổng diện tích đất (m ²)	Định hướng phát triển	Thời gian dự kiến	Ghi chú
I	Mở rộng nâng công suất		1.000	15.079			
1	Mở rộng công suất kho LPG Petrolimex Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	1.000	15.079	Nâng cấp	2021-2030	
II	Phát triển mới		21.000	155.000			
1	Kho LPG Thọ Quang (xây mới)	Quận Sơn Trà	6.000	5.000	Phát triển mới	2021-2030	
2	Kho LPG Liên Chiểu Đà Nẵng giai đoạn 1	Quận Liên Chiểu	5.000	50.000	Phát triển mới	2021-2030	
	Kho LPG Liên Chiểu Đà Nẵng giai đoạn 2	Quận Liên Chiểu	10.000	100.000	Mở rộng	2031-2050	
3	Các trạm chiết nạp LPG trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao tại Đà Nẵng	Các Khu CN, cụm CN, Khu CNC	500-1.500 tấn/trạm		Phát triển mới	2021-2030	

Phụ lục V

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHO/TRẠM KHÍ THIÊN NHIÊN NÉN (CNG) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tên công trình	Địa chỉ	Quy mô sức chứa (tấn/năm)	Tổng diện tích đất (m ²)	Định hướng phát triển	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1	Trạm nạp CNG	KCN Hòa Cầm, Cầm Lệ	300	500	Phát triển mới	2021-2030	
2	Trạm nạp CNG	KCN Hòa Khánh, Liên Chiểu	300	500	Phát triển mới	2021-2030	
3	Các trạm cấp khí trung tâm CNG/LNG trong các khu công nghiệp, cụm CN, Khu CNC tại Đà Nẵng	Các KCN, CCN, Khu CNC	0,01-0,1 tỷ m ³ /năm		Phát triển mới	2021-2030	

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHO/TRẠM KHÍ THIÊN NHIÊN HÓA LỎNG (LNG) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tên công trình	Địa chỉ	Quy mô sức chứa (tấn/năm)	Tổng diện tích đất (m ²)	Định hướng phát triển	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1	Kho LNG Liên Chiểu giai đoạn 1	Q. Liên Chiểu	0,5-1 triệu	100.000	Phát triển mới	2021-2030	
2	Kho LNG Liên Chiểu giai đoạn 2	Q. Liên Chiểu	1 triệu	50.000	Phát triển mới	2031-2050	
	Cộng		1,5 - 2 triệu	150.000			

Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG ỐNG KHÍ ĐÓT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tuyến	Công suất thiết kế (tỷ m ³ /năm)	Định hướng phát triển	Thời gian dự kiến
1	Hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp tại các khu CNC, khu công nghiệp, cụm CN tại Đà Nẵng	0,1-0,3 (*)	Phát triển mới	2021-2030
2	Hệ thống đường ống từ kho LNG đến các nhà máy điện, khu CNC, khu công nghiệp, cụm CN, hộ tiêu thụ điện...	0,5-3 (*)	Phát triển mới	2021-2030

Ghi chú: (*) Công suất cho 01 đường ống và chiều dài tuyến ống sẽ được xác định trong quá trình lập dự án đầu tư.



Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI BÁN LẺ KHÍ ĐÓT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Địa phương	Số lượng hiện có	Phát triển mới	
			(2023-2030)	Tổng đến 2030
1	Quận Hải Châu	16	7	23
2	Quận Thanh Khê	39	3	42
3	Quận Liên Chiểu	59	10	69
4	Quận Sơn Trà	38	6	44
5	Quận Ngũ Hành Sơn	19	13	32
6	Quận Cẩm Lệ	78	10	88
7	Huyện Hòa Vang	71	15	86
	Tổng	320	64	384

Phụ lục IX
DANH MỤC DỰ ÁN HẠ TẦNG XĂNG DẦU, KHÍ ĐÔT ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025
của UBND thành phố Đà Nẵng)*

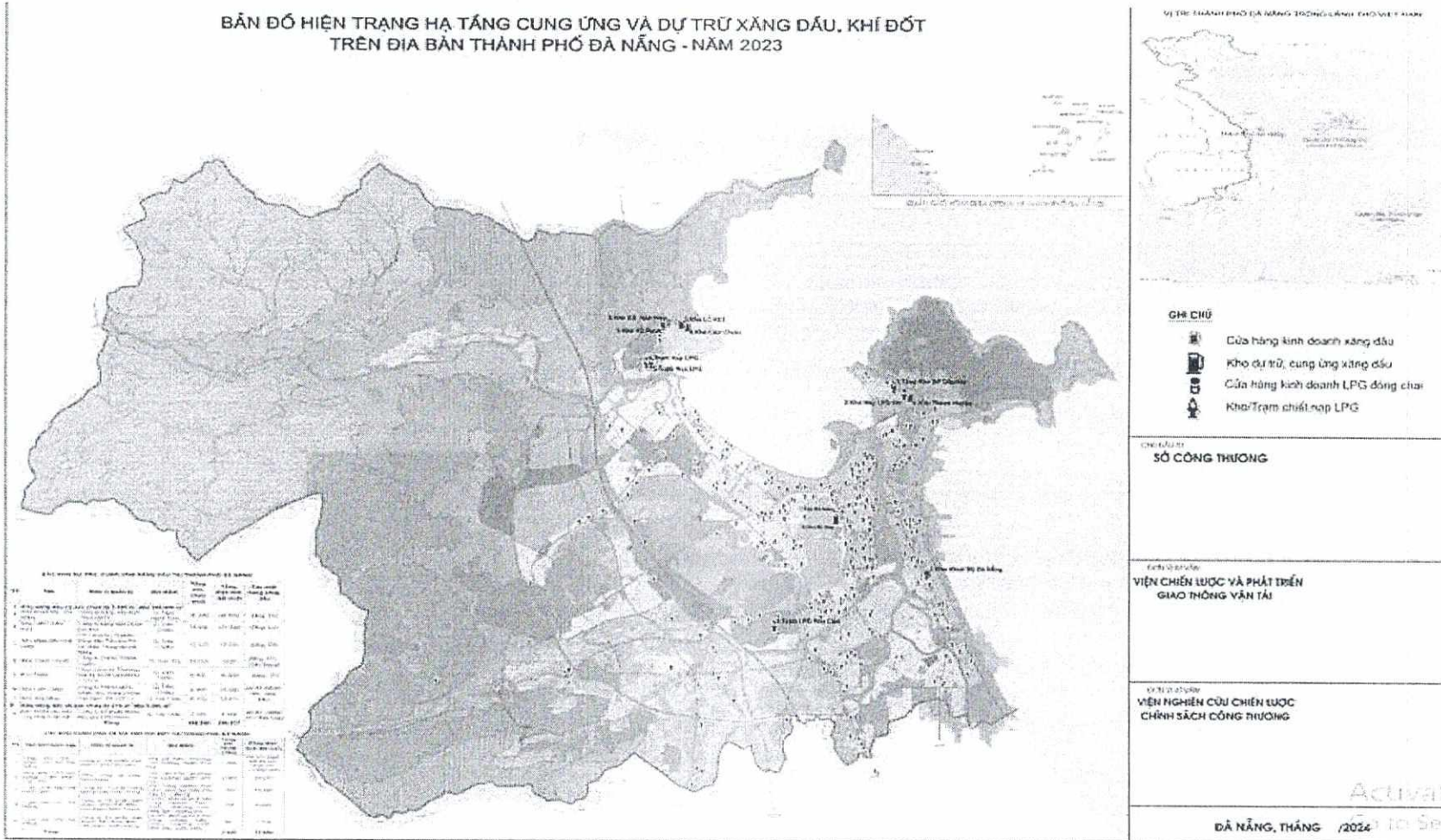
TT	Tên công trình	Địa chỉ	Quy mô/ sức chứa	Tổng diện tích đất (m ²)	Định hướng phát triển	Ghi chú
I	Kho xăng dầu		64.800 m³	42.000		
1	Kho xăng dầu Tiên Sa	P.Thọ Quang, Q. Sơn Trà	40.000	20.000	Phát triển mới	2024- 2030
2	Kho xăng dầu Liên Chiểu	Q. Liên Chiểu	15.000	12.000	Phát triển mới	2024- 2030
3	Kho xăng dầu Hoà Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	5.000	5.000	Phát triển mới	2024- 2030
4	Kho xăng dầu tại quận Sơn Trà	Quận Sơn Trà	4.800	5.000	Phát triển mới	2024- 2030
II	Kho/trạm LPG		21.000 tấn	155.000		
1	Kho dầu mới LPG	Thọ Quang, Quận Sơn Trà	6.000	5.000	Phát triển mới	2024- 2030
2	Kho LPG Liên Chiểu Đà Nẵng giai đoạn 1	Q. Liên Chiểu	5.000	50.000	Phát triển mới	2024- 2030
3	Kho LPG Liên Chiểu Đà Nẵng giai đoạn 2	Q. Liên Chiểu	10.000	100.000	Mở rộng	2031- 2050
4	Các trạm chiết nạp LPG trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao tại Đà Nẵng tại Đà Nẵng	Các Khu CN, cụm CN, Khu CNC	500-1.500 tấn/trạm		Phát triển mới	2024- 2030



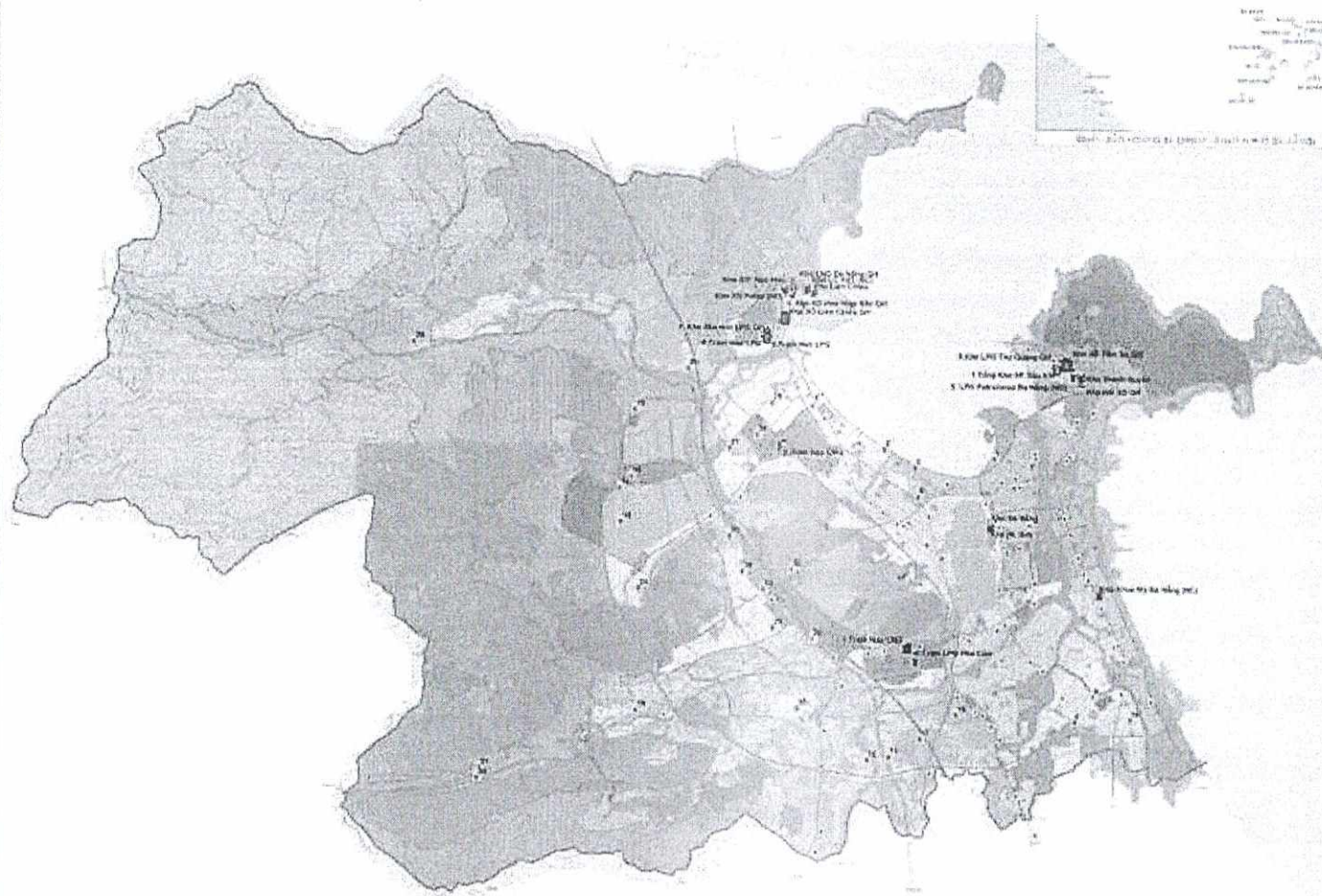
TT	Tên công trình	Địa chỉ	Quy mô/ sức chứa	Tổng diện tích đất (m ²)	Định hướng phát triển	Ghi chú
III	Trạm CNG		600 tấn	1.000		
1	Trạm nạp CNG	KCN Hòa Cầm, Cẩm Lệ	300 tấn	500	Phát triển mới	
2	Trạm nạp CNG	KCN Hòa Khánh, Liên Chiểu	300 tấn	500	Phát triển mới	
3	Các trạm cấp khí trung tâm CNG/LNG trong các khu công nghiệp, cụm CN, Khu CNC tại Đà Nẵng	Các KCN, CCN, Khu CNC	0,01-0,1 tỷ m ³ /năm		Phát triển mới	
IV	Kho LNG		2 triệu tấn	150.000		
1	Kho LNG Liên Chiểu giai đoạn 1	Q. Liên Chiểu	0,5-1 triệu	100.000	Phát triển mới	
2	Kho LNG Liên Chiểu giai đoạn 2	Q. Liên Chiểu	1 triệu	50.000	Phát triển mới	
V	Đường ống					
1	Hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp tại các khu công nghiệp tại Đà Nẵng	0,1-0,3 tỷ (*)			Phát triển mới	2026- 2030
2	Hệ thống đường ống từ kho LNG đến các hộ tiêu thụ (khu công nghiệp, cụm CN hộ tiêu thụ điện...)	0,5-1,5 tỷ (*)			Phát triển mới	2026- 2030

Phụ lục X
DANH MỤC BẢN ĐỒ HẠ TẦNG CUNG ỨNG VÀ DỰ TRỮ XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT
 (Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

**BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG CUNG ỨNG VÀ DỰ TRỮ XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT
 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG - NĂM 2023**



BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HẠ TẦNG CUNG ỨNG VÀ DỰ TRỮ XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2050



VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG: VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG: SỞ CÔNG THƯƠNG

GIẢI CHÚ

- Cửa hàng xăng dầu hiện trạng - Quy hoạch
- Kho dự trữ, cung ứng xăng dầu hiện trạng - Quy hoạch
- Trạm CNG, Kho LNG Quy hoạch
- Kho/Trạm chiết nạp LPG hiện trạng - Quy hoạch

Activat